



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

M.S.D.A.

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 23

1023
C
BÁCH
KIẾ
1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Bùi Việt Hoài	Chủ tịch
Ông Trần Văn Tôn	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Toàn	Phó Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/01/2013)
Ông Hoàng Duy Lâm	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2013)

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

6. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là 122.858.794.664 đồng, trong đó có khoản vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả là 83.297.620.000 đồng, vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 105.689.577.788 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 63.983.902.827 đồng). Điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể đưa đến sự hoài nghi đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào nguồn thu trong tương lai và việc tiếp tục gia hạn nợ vay dài hạn của các ngân hàng. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các ngân hàng sẽ không tiếp tục gia hạn nợ vay dài hạn cho Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tới.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU HOÀN

Y/C
THAI
AN
CHI



Số: 14.169/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2014 từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

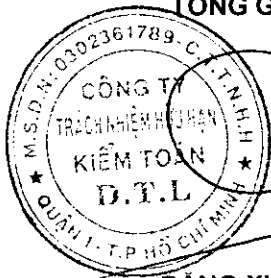
Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như đã trình bày tại mục 4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư gốc ngoại tệ nợ phải trả cuối năm 2009 và 2010 theo quy định tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính được tiếp tục phân bổ vào chi phí tài chính trong các năm sau theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính với số tiền là 5.850.925.126 đồng. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 thì số chênh lệch tỷ giá này phải được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh của năm 2009 và 2010.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.15 của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản phải trả ngắn hạn của Công ty là 122.858.794.664 đồng, trong đó có khoản vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả là 83.297.620.000 đồng, đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 105.689.577.788 đồng. Điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể đưa đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0425-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.169.216.876	22.033.545.760
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.389.277.959	2.720.801.686
1. Tiền	111		1.389.277.959	2.720.801.686
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	1.041.917.774	1.399.382.884
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		637.829.399	452.695.680
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		404.088.375	946.687.204
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	7.132.398.188	11.263.244.016
1. Hàng tồn kho	141		7.132.398.188	11.263.244.016
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.605.622.955	6.650.117.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	468.379.921	888.079.278
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.071.181.876	5.692.397.896
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		66.061.158	69.640.000

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		175.628.338.495	200.646.003.597
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		155.879.553.628	171.948.424.757
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	148.990.578.507	165.059.449.636
+ Nguyên giá	222		331.349.185.417	331.656.660.468
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.358.606.910)	(166.597.210.832)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	6.683.820.000	6.683.820.000
+ Nguyên giá	228		6.683.820.000	6.683.820.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		205.155.121	205.155.121
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.748.784.867	28.697.578.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	19.731.784.867	28.680.578.840
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.000.000	17.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		192.797.555.371	222.679.549.357

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		184.802.374.664	183.575.875.995
I. Nợ ngắn hạn	310		122.858.794.664	86.017.448.587
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	84.344.620.000	50.130.072.592
2. Phải trả người bán	312	5.9	20.068.048.932	23.671.348.763
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	19.202.404	4.203.680
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		19.277.000	162.579.191
5. Phải trả người lao động	315	5.10	4.848.685.687	4.455.479.300
6. Chi phí phải trả	316	5.11	11.413.212.771	4.755.724.035
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	2.060.107.820	2.711.300.976
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		85.640.050	126.740.050
II. Nợ dài hạn	330		61.943.580.000	97.558.427.408
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	61.943.580.000	97.558.427.408
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.995.180.707	39.103.673.362
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	7.995.180.707	39.103.673.362
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(188.100.000)	(188.100.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(5.850.925.126)	(9.428.410.378)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(35.965.794.167)	(1.279.816.260)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		192.797.555.371	222.679.549.357

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		53.659	126.464
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

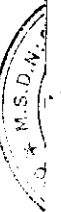
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THANH HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THANH HÀ



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	89.848.674.575	108.244.017.019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		89.848.674.575	108.244.017.019
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	105.123.134.537	92.028.151.472
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(15.274.459.962)	16.215.865.547
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		697.897.507	354.198.665
7. Chi phí tài chính	22	6.3	13.924.707.610	10.003.763.250
trong đó, chi phí lãi vay	23		7.765.958.611	8.205.601.724
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	1.766.510.538	2.965.962.601
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	4.418.197.304	5.507.453.616
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(34.685.977.907)	(1.907.115.255)
11. Thu nhập khác	31		-	81.206.880
12. Chi phí khác	32		-	37.584.960
13. Lợi nhuận khác	40		-	43.621.920
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(34.685.977.907)	(1.863.493.335)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(34.685.977.907)	(1.863.493.335)
18. Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.14.4	(6.963)	(374)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THANH HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THANH HÀ

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(34.685.977.907)	(1.863.493.335)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		16.068.871.129	16.086.881.630
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		5.292.163.389	(199.634.105)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
Chi phí lãi vay	06		7.765.958.611	8.205.601.724
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(5.558.984.778)	22.229.355.914
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.019.892.181)	2.695.687.216
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.130.845.828	(6.567.937.224)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.485.853.703)	15.525.129.511
Tăng giảm chi phí trả trước	12		9.368.493.330	(9.879.788.738)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.311.737.457)	(5.293.066.709)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(78.769.091)	(463.295.871)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	64.333.774
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(41.100.000)	(2.254.482.128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		2.003.001.948	16.055.935.745
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.210.640.000	19.587.336.426
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.553.740.000)	(32.944.298.428)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.172.000)	(42.484.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.354.272.000)	(13.399.446.002)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.351.270.052)	2.656.489.743
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.720.801.686	67.852.929
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.746.325	(3.540.986)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.389.277.959	2.720.801.686

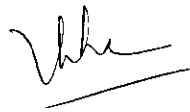
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THANH HÀ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THANH HÀ

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU HOÀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 12 năm 2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 là 50.000.000.000 đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội theo Quyết định số 992 ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 74 (31/12/2012: 106).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Đối với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ nợ phải trả cuối năm 2009 và 2010 mà Công ty đã áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC thì số dư chưa được phân bổ hết vào chi phí trong năm được tiếp tục phân bổ vào chi phí tài chính theo số năm còn lại kể từ ngày Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 có hiệu lực thi hành.

Áp dụng việc trình bày như nêu trên có sự khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS 10, tất cả các chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo đó, việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC làm thay đổi các khoản mục được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Trình bày theo VAS 10	Trình bày theo Thông tư 179	VND
				Chênh lệch
416	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(5.850.925.126)	(5.850.925.126)
420	Lợi nhuận chưa phân phối	(30.114.869.041)	(35.965.794.167)	(5.850.925.126)

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế, chi phí bảo hiểm tàu, chi phí sửa chữa tàu và các chi phí khác được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí sửa chữa tàu;
- Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2013

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
+ Máy móc thiết bị	05 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 20 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.12. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo quy định hiện hành.

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.15. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là 122.858.794.664 đồng, trong đó có khoản vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả là 83.297.620.000 đồng, vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 105.689.577.788 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 63.983.902.827 đồng). Điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể đưa đến sự hoài nghi đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào nguồn thu trong tương lai và việc tiếp tục gia hạn nợ vay dài hạn của các ngân hàng. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các ngân hàng sẽ không tiếp tục gia hạn nợ vay dài hạn cho Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tới.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	44.496.950	58.243.872
Tiền gửi ngân hàng	1.344.781.009	2.662.557.814
Tổng cộng	1.389.277.959	2.720.801.686

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho người bán	637.829.399	452.695.680
Các khoản phải thu khác	404.088.375	946.687.204
Tổng cộng	1.041.917.774	1.399.382.884

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền bồi thường bảo hiểm	-	682.646.884
Các khoản phải thu khác	404.088.375	264.040.320
Tổng cộng	404.088.375	946.687.204

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.132.288.188	11.262.674.016
Công cụ, dụng cụ	110.000	570.000
Tổng cộng	7.132.398.188	11.263.244.016

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	373.424.011	414.948.597
Chi phí bảo hiểm tàu	-	307.163.410
Chi phí sử dụng đăng kiểm	94.955.910	165.967.271
Tổng cộng	468.379.921	888.079.278

(Phần tiếp theo trang 17)

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.235.675.183	199.069.952	324.004.750.900	217.164.433	331.656.660.468
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(158.243.058)	-	(149.231.993)	(307.475.051)
Số dư cuối năm	7.235.675.183	40.826.894	324.004.750.900	67.932.440	331.349.185.417
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	616.914.128	188.017.051	165.575.115.220	217.164.433	166.597.210.832
Khấu hao trong năm	144.713.508	11.052.901	15.913.104.720	-	16.068.871.129
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(158.243.058)	-	(149.231.993)	(307.475.051)
Số dư cuối năm	761.627.636	40.826.894	181.488.219.940	67.932.440	182.358.606.910
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.618.761.055	11.052.901	158.429.635.680	-	165.059.449.636
Tại ngày cuối năm	6.474.047.547	-	142.516.530.960	-	148.990.578.507

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay 142.516.530.960 đồng – Xem thêm mục 5.13.
 Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 41.129.581.090 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa tàu	15.276.006.657	23.189.758.856
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	4.455.778.210	5.490.819.984
Tổng cộng	19.731.784.867	28.680.578.840

5.8. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn cá nhân	1.047.000.000	2.088.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.13	83.297.620.000	48.041.572.592
Tổng cộng	84.344.620.000	50.130.072.592

Khoản vay ngắn hạn cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, không có thế chấp, không có thời hạn vay cụ thể và chịu lãi suất từ 12%/năm.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	20.068.048.932	23.671.348.763
Người mua trả tiền trước	19.202.404	4.203.680
Tổng cộng	20.087.251.336	23.675.552.443

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.10. Phải trả người lao động

Chủ yếu là khoản tiền lương trong năm còn phải trả một số thuyền viên do đang công tác dài ngày trên các tàu.

5.11. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí bảo hiểm tàu	650.189.667	473.479.307
Chi phí lãi vay	10.763.023.104	4.282.244.728
Tổng cộng	11.413.212.771	4.755.724.035

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức	823.873.600	835.633.600
Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	548.642.216	810.769.894
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	112.407.919	282.409.145
Các khoản phải trả khác	575.184.085	782.488.337
Tổng cộng	2.060.107.820	2.711.300.976

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

5.13. Vay và nợ dài hạn

Là các khoản vay dài hạn ngân hàng bằng USD nhằm mục đích mua và đóng các tàu kinh doanh vận tải biển, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay (là các con tàu Sea Dream, Sea Dragon và Northern Star). Các khoản vay này có kỳ hạn từ 93 đến 111 tháng và chịu lãi suất hiện tại từ 4,3% đến 6,5%/năm - Xem thêm mục 5.5.

Số dư vay còn lại đến 31/12/2013 là 145.241.200.000 đồng, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 83.297.620.000 đồng - Xem thêm mục 5.8.

5.14. Vốn chủ sở hữu**5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu Quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000	(188.100)	(11.216.796)	583.677	39.178.781
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(1.863.493)	(1.863.493)
Giảm khác	-	-	1.788.386	-	1.788.386
Số dư đầu năm nay	50.000.000	(188.100)	(9.428.410)	(1.279.816)	39.103.674
Lỗ trong năm	-	-	-	(34.685.978)	(34.685.978)
Giảm khác	-	-	3.577.485	-	-
Số dư cuối năm nay	50.000.000	(188.100)	(5.850.925)	(35.965.794)	7.995.181

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	13.230.000.000	13.230.000.000
Tổng công ty Bảo Hiểm Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Hàng Hải	4.410.000.000	4.410.000.000
Các cổ đông khác	27.950.000.000	27.950.000.000
Tổng cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

5.14.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(18.810)	(18.810)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.14.4. Lỗ cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	(34.685.977.907)	(1.863.493.335)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.981.190	4.981.190
Lỗ cơ bản trên cổ phần (EPS)	(6.963)	(374)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển.

6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển.

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.765.958.611	8.205.601.724
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.158.748.999	1.798.161.526
Tổng cộng	13.924.707.610	10.003.763.250

6.4. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.658.135.303	3.567.496.496
Chi phí vật liệu quản lý	87.666.167	101.688.508
Chi phí khấu hao TSCĐ	147.382.972	152.898.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.845.644	289.842.188
Chi phí bằng tiền khác	1.302.167.218	1.395.527.540
Tổng cộng	4.418.197.304	5.507.453.616

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.418.871.260	36.755.464.374
Chi phí nhân công	15.323.186.374	17.511.612.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.068.871.129	16.086.901.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.696.270.401	22.438.742.665
Chi phí khác bằng tiền	3.800.643.215	7.708.846.826
Tổng cộng	111.307.842.379	100.501.567.689

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh vận tải biển nên báo cáo tài chính cũng đã thể hiện tình hình kinh doanh theo bộ phận hoạt động kinh doanh. Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là xuất khẩu dịch vụ. Do đó, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	200.000.000	115.060.000
Lương Ban Giám đốc	508.788.400	691.095.900
Tổng cộng	708.788.400	806.155.900

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi số	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền	1.389.277.959	2.720.801.686
Phải thu khác	404.088.375	946.687.204
Tổng cộng	1.793.366.334	3.667.488.890
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	146.288.200.000	147.688.500.000
Phải trả người bán và phải trả khác	22.128.156.752	26.382.649.739
Chi phí phải trả	11.413.212.771	4.755.724.035
Tổng cộng	179.829.569.523	178.826.873.774

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	7.314.716	7.272.923	83.775	143.134

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	22.128.156.752	-	22.128.156.752
Chi phí phải trả	11.413.212.771	-	11.413.212.771
Các khoản vay	84.344.620.000	61.943.580.000	146.288.200.000
01/01/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	26.382.649.739	-	26.382.649.739
Chi phí phải trả	4.755.724.035	-	4.755.724.035
Các khoản vay	50.130.072.592	97.558.427.408	147.688.500.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đảo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đảo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lại từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khác	404.088.375	-	404.088.375
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khác	946.687.204	-	946.687.204

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 22 tháng 03 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU**LÊ THANH HÀ****KẾ TOÁN TRƯỞNG****LÊ THANH HÀ****GIÁM ĐỐC****NGUYỄN HỮU HOÀN**